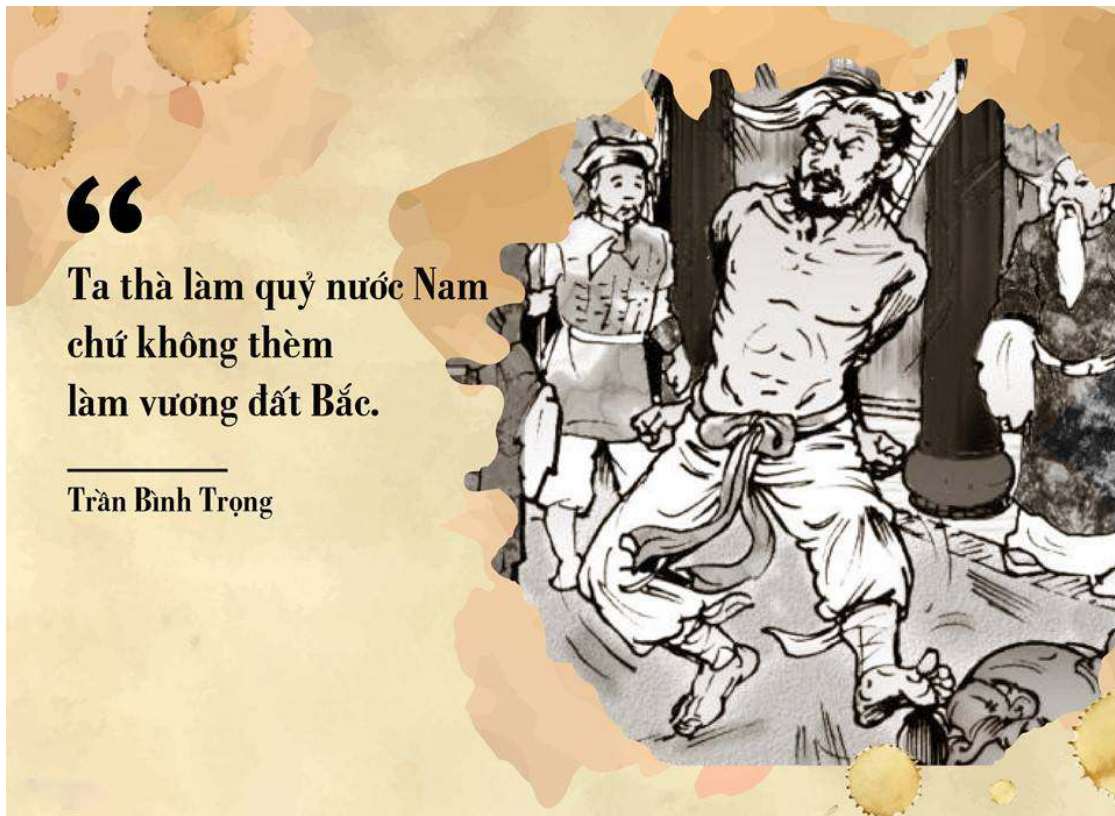


KHÍ TIẾT ANH HÙNG CỦA DANH TƯỚNG TRẦN BÌNH TRỌNG

Trong lịch sử đấu tranh và bảo vệ đất nước của dân tộc, từ thời Hùng Vương, An Dương Vương đến thời kỳ Bắc Thuộc, đến thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến độc lập trải qua các triều đại Ngô-Đinh-Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Tây Sơn đến triều Nguyễn... nước ta đã xuất hiện nhiều anh hùng dân tộc vì nước quên mình, xông pha trận mạc dũng cảm chiến đấu chống ngoại xâm. Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta dưới thời kỳ nhà Trần đã ghi nhận quân ta 3 lần đánh tan quân ngoại bang Mông – Nguyên hùng mạnh, trong những lần kháng chiến đó đã xuất hiện những bậc tài nhân đã làm rạng danh cho tinh thần của dân tộc Việt, tiêu biểu trong số đó là danh tướng Trần Bình Trọng – người đã nêu cao khí tiết anh hùng với câu nói nổi tiếng *“Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc!”*



1. Sơ lược về thân thế Trần Bình Trọng

Trần Bình Trọng sinh năm Kỷ Mùi (1259) tại xã Bảo Thái, huyện Thanh Liêm (Hà Nam), người gốc dòng họ Lê, nhờ gia đình có nhiều công lao với nhà Trần nên được ban quốc tính. Ông thuộc dòng dõi Lê Hoàn quê gốc ở huyện Thọ Xuân, tỉnh

Thanh Hóa. Cha ông là danh tướng Lê Tần phò tá dưới hai đời vua Trần Thái Tông và Trần Thánh Tông, vì có công phò giá vua Thái Tông trong lần kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258 nên được vua ban quốc tính, cho đổi tên là Lê Phụ Trần, ban tước Bảo nghĩa hầu (về sau ông được vua gả công chúa nhà Lý là Lý Chiêu Hoàng).

Ngay từ thuở nhỏ, Trần Bình Trọng được cha giáo dục, dạy dỗ chu đáo. Lớn lên, ông là một người có dáng mạo khôi ngô, thông minh hơn người, văn võ song toàn, sớm trở thành một tướng lĩnh của nhà Trần, sau này được vua truy phong tước hiệu Bảo nghĩa vương. Vợ của Trần Bình Trọng là công chúa Thụy Bảo. Sau này, con gái của Trần Bình Trọng và công chúa Thụy Bảo là Chiêu Hiến Hoàng thái hậu, vợ của vua Trần Anh Tông và là mẹ của Trần Minh Tông, vua thứ năm triều Trần.

2. Khí tiết Trần Bình Trọng trong cuộc kháng chiến Mông-Nguyên lần 2 (1285)

A. Quân Mông - Nguyên quyết thôn tính Đại Việt sau thất bại lần nhất năm 1258

Năm 1271, Hốt Tất Liệt (Khubilai) thôn tính Nam Tống lập nên triều đại Nguyên, đến năm 1279, toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc rơi vào tay quân Mông Cổ. Để trả thù cho việc xâm lược Đại Việt lần thứ nhất (1258) bị thất bại, cuối năm 1284, Hốt Tất Liệt đã huy động một lực lượng lớn hùng mạnh, gồm hơn 50 vạn quân thủy bộ với những dũng tướng Mông Cổ như A Lý Hải Nha (Ariq Qaya), Ô Mã Nhi, Toa Đô... và giao cho con trai thứ 9 của mình tên Toghan (tức là thái tử Trần Nam Vương Thoát Hoan) chỉ huy chuẩn bị tiến hành xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Đây là lần xâm lược với số lượng quân lớn hơn rất nhiều so với lần thứ nhất đi kèm với của sự hung hãn, tàn bạo, khốc liệt ở mức độ cao nhất.

Tháng 1-1285, năm mươi vạn quân Mông-Nguyên do Trần Nam Vương Thoát Hoan dẫn đầu chia làm hai cánh tấn công xâm lược Đại Việt. Cánh thứ nhất do Bolqadar chỉ huy theo đường Khâu Ôn (nay là Ôn Châu, Lạng Sơn) tiến xuống, cánh thứ hai do Satartai và Lý Bang Hiến chỉ huy đi theo đường núi Cấp Lĩnh (tức là từ Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đi Sơn Động, tỉnh Bắc Giang ngày nay). Đại quân của Thoát Hoan đi sau mũi thứ hai của Satartai và Lý Bang Hiến nhằm chỉ đạo việc tấn công. Đây là đạo quân chủ lực thứ nhất do Thoát Hoan và phó tướng Ariq Qaya chỉ huy.

Ngoài đạo quân chủ lực thứ nhất ra còn có hai đạo quân khác cùng tiến xuống Đại Việt theo hướng Tây Bắc và Chiêm Thành. Đạo quân thứ hai chỉ gồm hơn 1 nghìn quân Mông Cổ và Vân Nam do tướng Nasirud Din từ Vân Nam vào Đại Việt qua vùng Tuyên Quang tiến về kinh thành Thăng Long. Đạo thứ ba là đạo quân đang

chiến đấu ở Chiêm Thành do Toa Đô chỉ huy, tiến đánh Đại Việt từ phía Nam, đạo quân này xuất phát trễ hơn hai cánh trên, vào khoảng tháng 3 – 1285. Như vậy, 3 đạo quân Mông – Nguyên tiến vào Thăng Long theo 3 hướng Tây Bắc, Đông Bắc và phía Nam đã tạo thành 3 gọng kìm với sức mạnh vô cùng lớn bao vây Đại Việt

Đạo quân Mông- Nguyên là một đạo quân cực kỳ thiện chiến, nhanh chóng chiếm được ưu thế tuyệt đối trước Đại Việt vốn có quân số ít hơn. Sau thất bại trong những trận đánh đầu tiên, Tổng chỉ huy quân đội nhà Trần là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn quyết định lui quân về giữ Vạn Kiếp (nay thuộc vùng Vạn Yên, Chí Linh, Hải Dương). Sau đó quân Đại Việt lui về Thăng Long, nhưng cũng không chịu được trước sức mạnh tấn công ào ạt của quân địch.

Trước sự xâm lăng của quân Mông- Nguyên, vua tôi nhà Trần tích cực chuẩn bị kháng chiến. Với hội nghị vương hầu Bình Than (1282) và hội nghị bô lão Diên Hồng(1285), quân dân nhà Trần đã thể hiện tinh thần “Sát Thát”, quyết tâm chiến đấu đến cùng với địch đã làm nên một Hào khí Đông Á mạnh mẽ, có sức cổ vũ to lớn và toát lên khí thế ngất trời của tinh thần yêu nước chống ngoại xâm dưới thời kỳ nhà Trần.

Trước khí thế tiến công ào ạt của quân Mông – Nguyên, để tránh thế giặc mạnh ban đầu, và chờ đợi cơ hội phản công, vua quan nhà Trần vừa thực hiện chính sách “vườn không nhà trống”, vừa rút lui chiến lược, sơ tán triều đình về Thiên Trường (Nam Định) và Trường Yên (Ninh Bình). Đó là một trong những sách lược đúng, phù hợp với tình hình đất nước lúc bấy giờ mà triều Trần đã thực hiện nhằm bảo vệ đất nước, bảo vệ nhân dân.

Khi Hưng Đạo Vương quyết định rút khỏi Thăng Long, lui về Thiên Trường. Trần Bình Trọng được Hưng Đạo Vương và hai vua Trần (Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông) giao cho một nhiệm vụ quan trọng là giữ vùng Đà Mạc - Thiên Mạc, ngăn chặn và cầm chân quân Nguyên, đảm bảo cho bộ chỉ huy quân kháng chiến rút lui an toàn và bí mật, không để lại dấu vết. Đây là một nhiệm vụ đầy khó khăn, kể cả hy sinh cả tính mạng nhưng Trần Bình Trọng vẫn xin được lãnh binh ra trận giúp sức cho đất nước.

B. Trần Bình Trọng tổ chức đánh chặn giặc ở vùng Thiên Mạc - khí tiết của bậc anh hùng trung quân ái quốc

Để bảo vệ con đường rút lui an toàn của vua Trần và chủ tướng. Trần Bình Trọng được giao nhiệm vụ chỉ huy, tổ chức chặn đánh quân giặc tại Thiên Mạc, một cứ điểm chiến lược quan trọng nằm án ngữ con đường thủy của vùng Thiên Mạc.

Vùng Thiên Mạc (hay Đà Mạc, bãi Mạn Trù nay thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam) là một bãi phù sa rộng lớn ở phía nam sông Hồng, khi dòng nước phù sa của sông Hồng chảy đến đây sẽ tách làm hai nhánh bao quanh cù lao Thiên Mạc. Đây chính là nơi Trần Bình Trọng đã chọn làm địa điểm mai phục, ngăn chặn đường tiến công của địch.

Sau khi quân Mông-Nguyên tiến vào Thăng Long, chúng bị rơi vào cảnh “vườn không nhà trống”, Thoát Hoan vội cho Ô Mã Nhi đem thủy quân đuổi theo Thượng Hoàng Trần Thánh Tông và vua Nhân Tông đang trên đường xuôi về Thiên Trường. Khi đến Thiên Mạc, quân Mông – Nguyên gặp phục binh của Trần Bình Trọng, cuộc chiến đấu đã diễn ra ác liệt giữa quân dân Đại Việt và quân xâm lược Mông-Nguyên với mục đích kéo dài thời gian truy kích của đạo quân Mông – Nguyên. Cuối cùng với sự tăng cường viện binh của quân Mông-Nguyên, cứ điểm phòng thủ Thiên Mạc bị phá vỡ. Trần Bình Trọng bị sa vào tay giặc. Dù thất bại nhưng với trận chiến tại Thiên Mạc, Trần Bình Trọng đã góp phần bảo vệ an nguy của hai vua Trần, từ đây đạo quân Mông – Nguyên hoàn toàn mất dấu đường rút lui của triều đình nhà Trần.

Khi bị giặc bắt, trước sự tra tấn của kẻ địch, Trần Bình Trọng luôn giữ vững khí tiết của mình, ông tuyệt thực, quyết im lặng trước những lời truy hỏi của kẻ thù về tình hình quân ta. Tướng giặc nhận thấy ông là một dũng tướng hiên ngang, lỗi lạc nên ra sức dụ dỗ, mua chuộc ông và hứa ban tước vương của triều Nguyên cho ông. Nhưng ông đã trả lời như sau: **“Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thềm làm vương đất Bắc”**.

Giặc Mông – Nguyên biết không lay chuyển được tấm lòng trung kiên sắc đá của ông nên đã giết ông vào ngày 26 tháng 02 năm 1285 trước sự kính phục của các tướng sĩ nhà Trần và nhân dân Đại Việt.

Sau khi giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần 2, trước sự cảm thương vì nghĩa khí cao cả ấy, 4 năm sau ngày Trần Bình Trọng tử tiết, tức là vào đợt “định công các tướng sĩ” tháng 4 năm 1289, dưới thời trị vì của vua Trần Nhân Tông, cùng lúc với đại danh tướng Trần Hưng Đạo được “tiến phong tước đại vương” – Trần Bình Trọng cũng đã được truy phong (từ “hầu tước” lên “vương tước”), thành “Bảo Nghĩa vương”. Từ việc nhà Trần truy phong Trần Bình Trọng tước đại vương (tước cao nhất trong hàng vương hầu) đã cho thấy rằng tước vị đó rất xứng đáng với chiến công và sự hy sinh oanh liệt của ông đối với quốc gia Đại Việt.

Trần Bình Trọng – tấm gương sáng cho muôn đời noi theo

Trần Bình Trọng – người góp công lớn trong cuộc kháng chiến chống giặc Mông - Nguyên xâm lược lần 2 (1285) và đã hy sinh vì tổ quốc. Tinh thần bất khuất, hiên ngang của ông được thể hiện mạnh mẽ, đầy đủ qua câu nói: *“Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc...”*. Đây là câu nói bất hủ của ông được mọi người dân Đại Việt nhớ mãi và nó cũng đã trở thành biểu tượng của tinh thần yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc. Tinh thần bất khuất của Trần Bình Trọng toát ra từ câu nói đó đã làm cho toàn quân dân nhà Trần nức lòng chiến đấu, đánh đuổi giặc Mông-Nguyên ra khỏi bờ cõi dành lại độc lập bền vững cho non sông đất nước. Khí tiết và cái chết oanh liệt của Trần Bình Trọng đã thổi thêm ngọn lửa căm thù giặc vào toàn thể quân dân Đại Việt thời Trần, góp phần làm nên chiến thắng Mông-Nguyên vĩ đại trong lịch sử nước nhà. Ông mãi mãi là tấm gương soi sáng về tinh thần bất khuất trước mọi uy lực, không bị mua chuộc bởi vinh hoa phú quý, sẵn sàng hy sinh tính mạng vì tổ quốc.

*“Trần Bình Trọng là tôi trung,
Thà làm Nam quỷ, chẳng lòng Bắc vương”*

Trần Bình Trọng là một trong những bậc anh hùng ưu tú, chói sáng trong trang sử vàng của lịch sử dân tộc.

